

Người Nhật hầu như không có tài nguyên nông khoáng sản nào quan trọng. Sau năm 1945, họ bị thua trận, mất các thuộc địa, lại bị nạn nhân mãn (83,2 triệu người vào năm 1950, hiện nay hơn 120 triệu người và chỉ có 3 triệu ha ruộng, chỉ làm được 2 vụ vì mùa đông giá lạnh), tuy nhiên nhờ có một chính sách hợp lý, nên GNP đã Nhật đã vượt Anh, Pháp (1962-64), Tây Đức (1968), Liên Xô (1988-90), hiện đứng hàng nhì so với các nước trên thế giới và có triển vọng vượt qua Mỹ vào đầu thế kỷ 21.

Sau đây là các nguyên nhân giúp Nhật phát triển nhanh:

1. Khu vực chính quyền: Sau 1945, chi phí quốc phòng Nhật chỉ khoảng 1% GNP trong khi Mỹ khoảng 7% và Liên Xô 15% (1). Quân đội Nhật chỉ khoảng 200.000 người và chỉ có tính phòng thủ. Số nhân viên nhà nước giảm tối đa. Do chi phí quốc phòng nhẹ và bộ máy chính quyền gọn, Nhà nước chỉ buộc các xí nghiệp Nhật đóng thuế nhẹ nhưng ngân sách thường chi vẫn có dư và chuyển qua ngân sách đầu tư và phát triển, hàng năm nhà nước bỏ một số tiền lớn thực hiện các công trình đầu tư. Số đầu tư nhà nước Nhật ước khoảng 1/3 đầu tư của Nhật, 2/3 còn lại là đầu tư của khu vực sản xuất tư nhân và khu vực gia đình. Mặc dù đầu tư tư nhân cao như trên, song nhà nước hầu như không vay tiền ngân hàng. Từ năm 1950 tới 1970 là thời gian Nhật phát triển cực nhanh, GNP tăng khoảng 10% mỗi năm.

2. Khu vực kinh tế đối ngoại: Nhật có một hàng rào bảo vệ hữu hình (như đánh thuế nhập khẩu cao trên hàng chế tạo ngoại) và vô hình (không cung cấp ngoại tệ, không mua, không phân phối hàng chế tạo ngoại), ngoại tệ được tập trung trong ngân hàng và chỉ dùng để nhập nguyên liệu, khoáng sản, đầu thô và nông sản cần thiết mà thôi. Nhật hầu như

không nhập hàng chế tạo giá đắt mà chỉ nhập nguyên khoáng nông sản rẻ tiền rồi từ các nhập lượng rẻ tiền này làm ra hàng loạt hàng xuất khẩu như vải, quần áo may mặc, tiếp theo là sắt thép, urê, ô tô, Honda; tiếp theo nữa là hàng điện tử cao cấp với giá cao gấp bội lần so với giá nguyên vật liệu nhập.

3. Khu vực sản xuất: gồm các xí nghiệp tư nhân và quốc doanh do nhà nước hướng dẫn bằng các biện pháp kế hoạch hóa mềm như cấp ngoại tệ, tín dụng với lãi suất rẻ cho các xí nghiệp thực hiện các kế hoạch đầu tư và trang bị mới.

Hàng năm Nhật đầu tư hơn 30% GNP trong khi Việt Nam hiện nay chưa đầu tư quá 7-8% GNP. Với số tiền đầu tư rất lớn hàng năm, Nhật xây dựng các cảng sâu ở bờ biển, sát gần cảng là các khu liên hợp lọc dầu, nấu sắt thép và làm ra hàng loạt hàng tiêu dùng cao cấp để xuất khẩu và tiêu dùng trong nước. Muốn làm hàng xuất khẩu, hàng phải tốt, đẹp, nhẹ nhàng (để ít tổn nguyên vật liệu và phí chuyển chở), giá rẻ. Để đạt mục tiêu trên, Nhật rất trọng dụng chuyên viên khoa học và kỹ thuật, các sinh viên tốt nghiệp tại các trường đại học danh tiếng được nhà nước và các xí nghiệp lớn mời ký hợp đồng làm việc suốt đời với lương cao, chức vụ cao, nhờ vậy việc điều hành, quản lý kinh tế, nhà nước, xã hội Nhật rất được ngợi khen.

4. Khu vực gia đình: Người Nhật lao động có kỷ luật, với trình độ kỹ thuật cao, không đình công, không bãi thị. Xã hội Nhật có tính "paternaliste" như vua rất được kính trọng và có nhiệm vụ làm vua tốt; người chủ hãng bảo đảm việc làm suốt đời cho công nhân, dù có lợi nhuận cao nhưng xã hội không khuyến khích sống xa hoa, giàu có của riêng, vợ 1, 2, 3... mà phải sống chỉ khá hơn người công nhân thường đời chút mà thôi. Chủ nhân

không sống xa hoa, công nhân và chủ nhân đều ra sức tiết kiệm, bỏ tiền vào ngân hàng hay mua cổ phần, hùn vốn lập hội. Các tác phong trên đây rất thuận lợi đối với việc phát triển nhanh.

5. Khu vực ngân hàng: tỷ giá ngoại tệ: Suốt từ các năm 50 - 60 đến đầu các năm 70, giá mua một USD được duy trì là 360 yên mặc dù kinh tế Nhật phát triển nhanh còn kinh tế Mỹ bị khó khăn. Thông thường khi kinh tế phát triển, giá tiền nội tăng thêm (như Việt Nam trong năm 1992). Nhật đã duy trì tỷ giá mua đồng USD cao giá tạo để hàng Nhật xuất khẩu dễ dàng trên thị trường quốc tế.

Chính sách sử dụng ngoại tệ: Ngoại tệ chỉ dùng để nhập nguyên vật liệu, nông khoáng sản, đầu thô. Nhật chế tạo các loại máy cần thiết và chỉ mua vẫn bằng sáng chế và các mẫu máy mới của nước ngoài.

Chính sách vay ngoại tệ của nước ngoài và của ngân hàng trung ương Nhật rất rộng rãi: Trong thời gian phát triển nhanh, cho đến các năm 70, các xí nghiệp Nhật cần vay vốn để thực hiện các chương trình trang bị và cạnh tranh lớn. Ngân hàng Nhật vay đô-la của Mỹ (nhưng người Nhật không tạo thuận lợi cho ngoại quốc đầu tư tại Nhật) để có thêm vốn cho các xí nghiệp Nhật vay lại. Đồng thời ngân hàng trung ương Nhật hầu như không đòi hỏi các ngân hàng thương mại và đầu tư Nhật phải nộp dự trữ vào ngân hàng trung ương; trái lại ngân hàng trung ương còn chấp thuận cho họ đem hồ sơ vay tiền của các xí nghiệp làm tăng mức miễn thuế xuất khẩu đến thế chấp với lãi suất ưu tiên hạ hơn so với các ngân hàng trung ương Âu Mỹ.

Nhờ chính sách cho vay rất rộng rãi này của ngân hàng trung ương, cộng thêm việc vay tiền đô-la Mỹ, các ngân hàng Nhật không thiếu vốn cho các xí nghiệp có lợi nhuận cao vay tiền. Cứ một đồng vốn, các xí nghiệp mũi nhọn có thể vay thêm đến 10 đồng nữa. Chính sách cho vay rộng rãi với lãi suất nhẹ trên đây là một trong những nguyên nhân phát triển nhanh của Nhật. Ngược lại, các xí nghiệp kém, làm ăn lỗ lã, ngân hàng Nhật không cho vay vì sợ nạn nợ khó đòi, nhà nước Nhật không bù lỗ. Các xí nghiệp Nhật được quản lý tốt vì các xí nghiệp kém bị luật cạnh tranh đào thải.

Với các biện pháp trên đây, Nhật đi từ thắng lợi này tới thắng lợi khác. Cứ mỗi năm, Nhật đều cho thi hành một chương trình cạnh tranh và trang bị có quy mô lớn hơn. Gần đây, sau khi đã đạt mức sản xuất cực cao, Nhật không nhắm vào việc mở rộng thêm quy mô sản xuất mà trái lại đặt trọng tâm vào việc nâng cao chất lượng sản phẩm, làm các mặt hàng mới và hạ giá thành, để nâng cao khả năng cạnh tranh của các xí nghiệp Nhật ♣

